

Số: /QĐ-UBND

Hiệp Hòa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ kinh phí cho UBND các xã để vận chuyển, xử lý rác thải năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 1231/TTr-TNMT ngày 27/7/2021 và của Phòng Tài chính-Kế hoạch tại Tờ trình số 228/TTr-TCKH ngày 17/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi ngân sách huyện năm 2021 số tiền: **434.400.000 đồng** (Bốn trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng) hỗ trợ cho UBND các xã để vận chuyển, xử lý rác thải năm 2021 (có biểu chi tiết đính kèm).

Nguồn kinh phí: Sự nghiệp môi trường, mục xử lý ô nhiễm, khắc phục sự cố về môi trường.

Điều 2. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp kinh phí cho UBND các xã có tên tại Điều 1.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí vận chuyển, xử lý rác thải của UBND các xã. Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 có trách nhiệm đúng mục đích, thanh quyết toán đúng chế độ tài chính Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và môi trường, Kho bạc nhà nước huyện, UBND các xã có tên tại Điều 1 và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Công Bộ

BIỂU HỒ TRỢ KINH PHÍ VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện)

Stt	Đơn vị	Số tiền hỗ trợ (đồng)
1	Bắc Lý	24.000.000
2	Đại Thành	20.000.000
3	Đoan Bái	30.000.000
4	Đông Lỗ	24.000.000
5	Đồng Tân	20.000.000
6	Hòa Sơn	20.000.000
7	Hoàng An	20.000.000
8	Hoàng Lương	20.000.000
9	Hoàng Thanh	20.000.000
10	Hoàng Vân	20.000.000
11	Hùng Sơn	28.400.000
12	Hương Lâm	20.000.000
13	Lương Phong	24.000.000
14	Mai Đình	20.000.000
15	Mai Trung	24.000.000
16	Ngọc Sơn	20.000.000
17	Quang Minh	20.000.000
18	Thanh Vân	20.000.000
19	Thường Thắng	20.000.000
20	Xuân Cầm	20.000.000
	CỘNG	434.400.000